

KẾ TOÁN CÔNG CỤ TÀI CHÍNH TIẾP CẬN TRÊN QUAN ĐIỂM HỆ THỐNG

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền
ĐH Kinh tế TP. HCM

Công cụ tài chính (CCTC) giữ vai trò quan trọng trong ngân hàng, doanh nghiệp cũng như nền kinh tế. Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) kiên định xây dựng kế toán CCTC trên quan điểm hệ thống, đồng thời xem xét tất cả các CCTC cũng như tất cả các vấn đề về kế toán CCTC. Trong khi đó, Hội đồng Chuẩn mực kế toán tài chính Hoa Kỳ (FASB) bắt đầu xây dựng kế toán cho từng loại CCTC riêng biệt như chứng khoán đầu tư, cho vay... Đến nay, FASB đã lựa chọn tiếp cận hệ thống để xây dựng một chuẩn mực kế toán về toàn bộ CCTC. Bên cạnh đó, các tranh luận về kế toán CCTC đã và đang được đặt ra qua nhiều công trình nghiên cứu về ghi nhận, đo lường, trình bày và công bố thông tin về CCTC. Việc lựa chọn tiếp cận trên quan điểm hệ thống trong xây dựng kế toán CCTC là hướng đi hợp lý cho hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay. Trước hết cần xây dựng khung chung cho kế toán CCTC bắt đầu từ sản phẩm đơn giản như chứng khoán kinh doanh, đầu tư hay cho vay... Sau đó, trên cơ sở này triển khai cho các sản phẩm phức tạp hơn như công cụ phái sinh hay CCTC phức hợp.

Đặt vấn đề

CCTC là hợp đồng mang lại tài sản tài chính cho một bên và nợ phải trả tài chính hay công cụ vốn chủ sở hữu cho bên đối tác. Trên thế giới, các tổ chức lập quy như IASB hay FASB đã nhiều năm nghiên cứu, ban hành và vẫn đang tiếp tục hoàn thiện chuẩn mực kế toán về CCTC. Bên cạnh đó, nhiều năm qua đề tài về kế toán CCTC được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đến nay các vấn đề về phân loại, đo lường, ghi nhận, trình bày và thuyết minh thông tin về CCTC vẫn tiếp tục được tranh luận.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, nguồn vốn các ngân hàng thương mại. Ngoại trừ hệ thống kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng buộc đề cập đến các CCTC bởi đây là đối tượng kế toán chủ yếu của lĩnh vực này, thì hệ thống kế toán tại Việt Nam

mới chính thức bàn đến kế toán CCTC gần đây với Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 6/11/2009 về hướng dẫn chuẩn mực kế toán quốc tế, về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với CCTC. Cho đến nay, trong Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam vẫn chưa có chuẩn mực kế toán về CCTC.

Các CCTC rất đa dạng và phức tạp. Khi xây dựng chuẩn mực kế toán CCTC có tổ chức lập quy đứng trên quan điểm hệ thống để xây dựng chuẩn mực chung áp dụng cho tất cả các CCTC như IASB. Trong khi đó, FASB lại thiết lập các chuẩn mực riêng cho từng đối tượng CCTC khác nhau. Đến nay, cả hai tổ chức lập quy này đang ở giai đoạn hoàn tất đưa ra một chuẩn mực duy nhất hướng dẫn kế toán CCTC.

Như vậy, kế toán CCTC có thực sự cần thiết, đang ở đâu và giải quyết như thế nào

trong môi trường kế toán tại Việt Nam. Bài viết dưới đây tiếp cận vấn đề kế toán CCTC tại Việt Nam, cố gắng phác thảo một bức tranh tổng thể về kế toán CCTC trên thế giới nhằm xác định các vấn đề then chốt cần xử lý để hình thành một hệ thống các phương pháp và quy trình xử lý CCTC trong kế toán. Từ đó, nhận định vị trí hiện tại của Việt Nam nhằm đưa ra những gợi ý cho việc giải quyết vấn đề trên quan điểm hệ thống.

Vai trò CCTC trong nền kinh tế

Trong nền kinh tế, CCTC giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập vốn, sử dụng vốn và phòng ngừa rủi ro. Ban đầu với vai trò tạo lập và sử dụng vốn, các CCTC sơ khai như chứng thư, cho vay hình thành hàng nghìn năm trước đây. Trải qua lịch sử phát triển lâu dài, cùng các trào lưu đổi mới tài chính trong vài thập kỷ gần đây, đến nay danh mục CCTC có hàng nghìn sản phẩm khác nhau, từ các CCTC cơ sở như chứng khoán, cho vay... đến các công cụ phái sinh phức tạp. Quá trình hình thành và phát triển CCTC thường gắn với thị trường tài chính, đặc biệt các ngân hàng thương mại. Các CCTC như tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành... giúp cho các ngân hàng huy động được vốn từ nền kinh tế. Để có thể trả lãi cho các khách hàng và hình thành lợi nhuận các ngân hàng không ngừng phát triển các hình thức sử dụng vốn khác nhau, như cho vay, đầu tư chứng khoán.... Mặc dù danh mục CCTC ngày càng đa dạng và phức tạp, nhưng tất cả đều nhằm mục đích tạo lập phương thức huy động vốn và sử dụng vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế.

Khi phát hành hay đầu tư vào CCTC, doanh nghiệp hay ngân hàng luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau, đặc biệt rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Đây cũng là cơ sở để thị trường hình thành và phát triển các công cụ phái sinh như là công cụ phòng ngừa các rủi ro này. Tuy nhiên, với đặc điểm

khoản đầu tư thuần ban đầu rất thấp (hoặc bằng không) nên các công cụ phái sinh đã đem lại cơ hội lớn về kinh doanh, đầu cơ cho các nhà đầu tư. Trong những năm của thập niên 1990 và đầu thế kỷ 21 doanh số các sản phẩm phái sinh tăng đáng kể. Theo Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (Bank for international Settlements – BIS) nếu vào năm 2000 tổng trị giá danh nghĩa các hợp đồng phái sinh khoảng 90 nghìn tỷ USD thì năm 2010 ước tính là 600 nghìn tỷ USD. Chính vì vậy, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008 dẫn đến sự sụp đổ của nhiều ngân hàng và quỹ đầu tư được cho là xuất phát từ sự gia tăng quá nhanh các CCTC phái sinh. Như vậy cho thấy khi hình thành CCTC phái sinh được chú trọng nhiều với vai trò phòng ngừa rủi ro, nhưng thực tế các công cụ phái sinh đã đem lại nhiều tổn thất cho ngân hàng hay doanh nghiệp nếu sử dụng chúng cho mục đích đầu cơ.

Sự phát triển kế toán CCTC trên thế giới

Giai đoạn 1984-2000

Từ năm 1984, Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (International Accounting Standards Committee - IASC) bắt đầu nghiên cứu về CCTC và chuẩn mực đầu tiên về các khoản đầu tư (International Accounting Standard - IAS25) chính thức ban hành vào năm 1986. Sau đó, IASC xem xét kế toán CCTC trên phương diện tổng thể và sau 6 năm nghiên cứu, từ năm 1988-1994 mới đưa ra được dự thảo về CCTC với hai giai đoạn: (i) Trình bày và công bố CCTC; (ii) Ghi nhận và đo lường CCTC. Cuối cùng, IASC chính thức ban hành IAS 32 – “CCTC: trình bày và công bố” vào năm 1995 và IAS 39 – “CCTC: ghi nhận và đo lường” vào năm 1998.

Giai đoạn 2001-2009

Từ 2001, IASB kế thừa IASC tiếp tục chỉnh sửa các IAS đã ban hành và xây dựng

các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (International Financial Reporting Standards – IFRS), trong đó bao gồm các chuẩn mực về CCTC. Mặc dù mới được ban hành nhưng IAS 39 bị đánh giá là có mô hình đo lường hỗn hợp và quá phức tạp. Do vậy, IAS 32 và IAS 39 được IASB hiệu chỉnh lại vào năm 2003. Tiếp theo, năm 2005 IASB ban hành IFRS 7 - “CCTC: công bố” và hiệu chỉnh lần nữa IAS 32 và IAS 39. Sau đó, cho đến quý 1/2009, IASB rất nhiều lần lấy ý kiến hiệu chỉnh các chuẩn mực về CCTC về các vấn đề như Kế toán phòng ngừa rủi ro, Lựa chọn giá trị hợp lý, Tái phân loại tài sản tài chính, Công bố CCTC và công cụ phái sinh... Trong suốt thời gian này, FASB đã ban hành rất nhiều các chuẩn mực về các đối tượng CCTC khác nhau như FAS 115 - Kế toán đầu tư chứng khoán vốn/nợ (1993), FAS 114 - Kế toán tổn thất cho vay (1995), FAS 133 - Kế toán CCPS và phòng ngừa rủi ro (1998), FAS 140 - Kế toán chuyển nhượng TSTC và thanh toán nợ phải trả tài chính (2000), FAS 157 - Đo lường giá trị hợp lý (2006); FAS 155 - Kế toán CCTC phức hợp (2006); FAS 159 - Lựa chọn giá trị hợp lý (2007).

Giai đoạn từ tháng 4/2009 đến nay

Sau khủng hoảng tài chính tại Hoa Kỳ và toàn cầu vào năm 2008, các nhà lãnh đạo nhóm G20 và Hội đồng ổn định tài chính (Financial Stability Board - FSB) hối thúc các tổ chức lập quy cố gắng giảm tính phức tạp của chuẩn mực về CCTC. Trên cơ sở hợp tác nhằm tiến tới hội tụ IFRS với US. GAAP tại Thỏa thuận Norwalk (2002), IASB và FASB cùng xây dựng dự án của mỗi bên nhằm thiết lập chuẩn mực mới về tổng thể kế toán CCTC. Tháng 4/2009, IASB chính thức đưa ra kế hoạch xây dựng IFRS 9 - CCTC với ba giai đoạn: (i) Phân loại và đo lường CCTC; (ii) Tổn thất tài sản tài chính; (iii) Kế toán phòng ngừa rủi ro và chuẩn mực về đo lường giá trị hợp lý. Khi cả ba giai đoạn hoàn tất, IFRS 9 sẽ

thay thế hoàn toàn chuẩn mực hiện hành về CCTC (IAS 39).

Tính đến tháng 6/2011, IASB đã thực hiện giai đoạn 1 của dự án với các vấn đề về Phân loại và đo lường tài sản tài chính (9/2009), kế toán nợ phải trả tài chính và xóa bỏ ghi nhận CCTC (10/2010). Ngoài ra, IASB dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn 2 (tổn thất tài sản tài chính) và một phần giai đoạn 3 (kế toán phòng ngừa rủi ro chung – General hedge accounting) vào quý 3/2011. Phần còn lại của giai đoạn 3 (kế toán phòng ngừa rủi ro danh mục - Macro hedge accounting) được dự kiến sẽ công bố dự thảo vào quý 4/2011.

Như vậy cơ sở nền tảng của kế toán CCTC là phân loại và đo lường tài sản tài chính và nợ tài chính đã được hoàn tất. Để hỗ trợ cho đo lường CCTC theo giá trị hợp lý, IASB cũng đã chính thức ban hành IFRS 13 - “Đo lường giá trị hợp lý” vào tháng 5/2011. Các vấn đề phức tạp hơn về kế toán CCTC là tổn thất tài sản tài chính và kế toán phòng ngừa rủi ro dự kiến sẽ hoàn tất vào cuối năm 2011.

Những tranh luận chủ yếu về kế toán CCTC hiện nay trên thế giới

Kế toán CCTC theo chuẩn mực quốc tế đã trải qua quá trình dài hình thành và phát triển. Trong suốt thời gian này, mặc dù có nhiều thay đổi từ quan điểm tiếp cận đến kỹ thuật xử lý nhưng vẫn kiên định với mục tiêu cao nhất của kế toán CCTC là cung cấp thông tin hữu ích giúp cho người sử dụng đánh giá được vị trí của CCTC trong tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá được rủi ro gắn với CCTC cũng như cách thức doanh nghiệp quản trị các rủi ro này. Chính vì vậy, từ khi hình thành kế toán CCTC đến nay đã có nhiều nghiên cứu, tranh luận không chỉ về các vấn đề căn bản của kế toán CCTC (nguyên tắc ghi nhận, đo lường tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính) mà cả các vấn



đề phức tạp hơn như tổn thất tài sản tài chính, phòng ngừa rủi ro với công cụ phái sinh:

- Thứ nhất, về phân loại CCTC. Ban đầu CCTC được IAS 39 yêu cầu phân loại với mô hình khá hỗn hợp, theo đó CCTC có thể được đo lường theo giá trị hợp lý, nguyên giá phân bổ và giá gốc. Hiện nay, IFRS 9 phân loại CCTC thành ba nhóm chính là đo lường theo: (i) Giá trị hợp lý với chênh lệch giá trị hợp lý đưa vào lãi/lỗ trong kỳ qua báo cáo kết quả kinh doanh (Fair value through profit or loss - FVPL); (ii) Giá trị hợp lý với chênh lệch giá trị hợp lý đưa vào thu nhập tổng hợp khác (Fair value through other comprehensive income - FVOCI); (iii) Nguyên giá phân bổ (Amortised cost - AC). Tuy nhiên, tiêu chí để phân loại các CCTC vào từng nhóm không chỉ phụ thuộc vào bản chất của các công cụ mà quan trọng hơn phụ thuộc vào “mô hình kinh doanh” của doanh nghiệp. Trong đó, việc nhận diện được mô hình kinh doanh trong quản trị CCTC của doanh nghiệp không đơn giản, phụ thuộc vào nhiều giả thuyết. Ngoài ra, khi các điều kiện ban đầu của doanh nghiệp để làm cơ sở phân loại CCTC thay đổi thì có cần thiết tái phân loại CCTC cũng là vấn đề được đặt ra nhiều lần khi chỉnh sửa chuẩn mực về CCTC.

- Thứ hai, đo lường CCTC là vấn đề gây tranh luận nhiều nhất, đặc biệt cơ sở đo

lượng giá trị hợp lý. Mặc dù được cho là một trong các nguyên nhân tác động đến khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, nhưng cho đến nay cơ sở đo lường giá trị hợp lý vẫn được cho là cơ sở đo lường thích hợp nhất đối với CCTC. Như vậy, vấn đề đặt ra là cần phải làm minh bạch các thông tin mà dựa vào đó để doanh nghiệp xác định giá trị hợp lý cho các CCTC. Bên cạnh đó các tranh luận cũng đề cập tới mối quan hệ giữa đo lường theo giá trị hợp lý cần phối hợp với tăng cường công bố thông tin về bản chất của CCTC cũng như các dữ liệu đầu vào cùng kỹ thuật, mô hình sử dụng trong đo lường.

- Thứ ba, về tổn thất tài sản tài chính. Cơ sở để đo lường tổn thất tài sản tài chính đó là ước tính các luồng tiền trong tương lai của CCTC. Những vấn đề được bàn cho chủ đề này được đặt ra như việc ước tính các luồng tiền này đối với các CCTC riêng biệt hay danh mục CCTC, cũng như làm thế nào để đo lường tổn thất rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính....

- Thứ tư, về phòng ngừa rủi ro. Đây là vấn đề được cho là phức tạp nhất của kế toán CCTC. Chính vì vậy, từ khi ban hành các yêu cầu về kế toán phòng ngừa rủi ro tại IAS 39 bị đánh giá là khó vận dụng trên thực tế. Khi đó vấn đề cho là khó thực hiện là để áp dụng được kế toán phòng ngừa rủi

ro đòi hỏi doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện nhất định. Đó là, doanh nghiệp phải xây dựng chiến lược phòng ngừa rủi ro và đo lường được hiệu quả của phòng ngừa. Ngoại trừ trong phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro là các công cụ phi phái sinh còn các loại phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý và rủi ro luồng tiền đòi hỏi sử dụng các công cụ phái sinh là chủ yếu. Trong khi đó, các doanh nghiệp khi đầu tư hay phát hành các công cụ phái sinh không chỉ dùng với mục đích phòng ngừa rủi ro mà có thể cho mục đích kinh doanh hay đầu cơ. Như vậy làm thế nào có thể nhận biết được mục đích của doanh nghiệp đối với các công cụ phái sinh là vấn đề tranh luận trong kế toán CCTC. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều các CCTC phức hợp có các công cụ phái sinh chìm gắn kèm như trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có gắn kèm chứng quyền.... Việc xử lý các công cụ phức hợp này như thế nào cũng được đặt ra trong kế toán CCTC.

Việt Nam đang ở đâu trong việc giải quyết kế toán CCTC

Tại Việt Nam, đối với các doanh nghiệp CCTC chiếm vị trí khá khiêm tốn mà chủ yếu là các chứng khoán được doanh nghiệp đầu tư. Gần đây một số doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu, đặc biệt trái phiếu có chứng quyền gắn kèm để huy động vốn. Ngoài ra, sở giao dịch hàng hóa đầu tiên của Việt Nam ra đời tháng 10/2010 đánh dấu mốc quan trọng cho phát triển các công cụ phái sinh. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 6/11/2009 - hướng dẫn chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với CCTC. Tuy nhiên Thông tư 210 chỉ dừng ở việc hướng dẫn áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày và công bố thông tin về CCTC. Trong đó, vấn đề về phân loại các tài sản tài chính được hướng dẫn theo các chuẩn mực kế toán quốc tế trước khi có dự án IFRS 9. Đây cũng là

một trong các vấn đề nền tảng về kế toán CCTC được bàn nhiều lần và IFRS 9 đã đưa ra cơ sở phân loại khác với các chuẩn mực trước đó. Hay nói cách khác, cách phân loại theo Thông tư 210 đã trở nên lạc hậu so với kế toán CCTC theo chuẩn mực quốc tế. Hơn nữa, không chỉ thiếu hướng dẫn cụ thể mà Thông tư chưa đề cập đến nguyên tắc ghi nhận và đo lường CCTC nên khó áp dụng vào thực tế. Như vậy, các CCTC này được các doanh nghiệp xử lý theo các quy định hiện hành là ghi nhận ban đầu theo giá gốc và trình bày trên báo cáo tài chính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện (Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC, ngày 7/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp).

Hệ thống các ngân hàng thương mại với đặc thù hầu hết các đối tượng kế toán là CCTC nên thực hiện theo các quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về hệ thống tài khoản và chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng. Cơ sở pháp lý cho kế toán CCTC tại các ngân hàng chủ yếu được NHNN ban hành. Thời gian qua, NHNN đã triển khai vận dụng IFRS trong kế toán các tổ chức tín dụng, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt do thiếu chuẩn mực kế toán về CCTC cũng như chưa có quy định về cơ sở đo lường thích hợp là giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán Việt Nam.

Như vậy, mặc dù CCTC không chỉ là đối tượng kế toán quan trọng của các ngân hàng mà đang dần ngày càng xuất hiện nhiều hơn trong doanh nghiệp nhưng kế toán CCTC tại Việt Nam còn khá khiêm tốn. Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có chuẩn mực về CCTC sẽ là rào cản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, khi các doanh nghiệp/ngân hàng cần tìm đến các nhà đầu tư nước ngoài cũng như hạn chế việc cung cấp thông tin hữu



ích cho các đối tượng sử dụng. Trước thực trạng này, Việt Nam cần khẩn trương xây dựng chuẩn mực kế toán CCTC. Vì đây là chuẩn mực có dung lượng lớn với nhiều vấn đề khó và phức tạp nên cần có lộ trình tốt, phương thức tiếp cận thích hợp trong quá trình hình thành chuẩn mực nhằm không chỉ đạt các yêu cầu về kế toán CCTC theo chuẩn mực quốc tế mà còn có tính khả thi khi áp dụng vào thực tế.

- Trước hết, hiện tại dự thảo về kế toán công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro đang được triển khai là chưa thích hợp. Đây là vấn đề khó đồng thời lại cần dựa vào cơ sở nền tảng của kế toán CCTC như phân loại, đo lường cũng như cơ sở đo lường giá trị hợp lý, trong khi đó Việt Nam chưa có các nền tảng này. Ngoài ra, thực tế tại Việt Nam các công cụ phái sinh đã hình thành nhưng còn rất khiêm tốn và chủ yếu tập trung tại các ngân hàng. Như vậy, tạo nền tảng cho toàn bộ chuẩn mực không nên bắt đầu từ các vấn đề phức tạp mà nên bắt đầu từ các vấn đề nền tảng của kế toán CCTC như nguyên tắc phân loại, đo lường CCTC; sau đó dần giải quyết các vấn đề phức tạp hơn như tổn thất tài sản tài chính, kế toán phòng ngừa rủi ro. Ở giai đoạn đầu cần kế thừa thành tựu về kế toán CCTC đã được NHNN cùng Bộ Tài chính chỉnh sửa, bổ sung các quy định về kế toán CCTC áp dụng cho các tổ chức tín dụng. Sau đó, triển khai chính thức xây dựng chuẩn mực kế toán về CCTC áp dụng cho mọi doanh nghiệp.

- Tiếp theo, tâm điểm của kế toán CCTC chính là cơ sở đo lường giá trị hợp lý. Trong hệ thống kế toán Việt Nam, ngoài CCTC còn có một số đối tượng kế toán khác cũng sử dụng cơ sở đo lường này như cho thuê tài chính, bất động sản đầu tư, sáp nhập kinh doanh... Hơn nữa đây cũng là cơ sở đo lường phức tạp nhất, do vậy cần thiết đồng thời tiến hành xây dựng chuẩn mực riêng về đo lường giá trị hợp lý. Trước khi xây dựng chuẩn mực này cần thiết sửa đổi bổ

sung điều khoản quy định về đo lường tài sản trong Luật Kế toán cũng như chuẩn mực chung nhằm cho phép đo lường tài sản không chỉ theo giá gốc mà còn có thể theo giá trị hợp lý.

- Cuối cùng, sự kết hợp giữa Bộ Tài chính và NHNN trong quá trình xây dựng chuẩn mực kế toán CCTC là cần thiết. Điều này không những giúp cho kế thừa các thành tựu nhất định về kế toán CCTC của hệ thống ngân hàng mà còn giúp cho quá trình xây dựng chuẩn mực gắn với thực tế hơn. Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao vai trò của Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán trong mối quan hệ với Bộ Tài chính và NHNN, từ đó tích cực cập nhật, phổ biến kiến thức về kế toán CCTC cho kế toán viên và kiểm toán viên.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư 210/2009/TT-BTC*, ngày 6/11/2009, *Hướng dẫn chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính*.
2. Nguyễn Thị Thu Hiền (2010), *Hoàn thiện kế toán CCTC trong ngân hàng thương mại tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
3. John C. Hull (2008), *Fundamentals of futures and options markets*, Pearson International Edition.
4. Joni J. Young (1996), *Institutional thinking: the case of financial instrument, Accounting, organizations and society*, Vol 21, No 5, P.487-512.
5. Stephen G. Ryan (2007), *Financial instruments và institutions - Accounting and disclosure rules*, John Wley & Sons, Inc.
6. Sylvie Matherat (2008), *Fair value accounting and financial stability: challenges and dynamics*, *Financial Stability Review*, No 2, October 2008, P 53-63.
7. Bank for International Settlements (2010), *Derivatives statistics*, website <http://www.bis.org>.
8. International Accounting Standard Board (2010), *International Financial Reporting Standards*. Website: <http://www.ifrs.org>.
9. Financial Accounting Standard Board (2010), *Statements of Financial Accounting Standards*, website: <http://www.fasb.org>.